



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ
VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2017/KSG

V/v CBTT Báo cáo thường niên
năm 2016

Ngày 05 tháng 05 năm 2017

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN & VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Mã chứng khoán: KSG

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn 9, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 059.389.3737

Fax: 059.389.3736

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đình Trường

Địa chỉ: Thôn 9, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 059.389.3737

Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Thực hiện việc công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Gia Lai xin báo cáo Quý Ủy ban về việc công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2016.

Thông tin trên đã được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 05/05/2017 tại đường dẫn:

<http://khoangsgialai.vn/Thong-tin-cong-bo.aspx>

Công ty Cổ phần Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Gia Lai cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VP;

CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN & VLXD GIA LAI



Nguyễn Đình Trường



Số: 10/2017/KSG

V/v Báo cáo thường niên năm 2016

Gia Lai, ngày 04 tháng 05 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI
NĂM 2016

I. Thông tin chung.

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Giấy chứng nhận ĐKKD: Giấy chứng nhận ĐKKD số 5900482154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 24/09/2008 cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 30/03/2016.

Vốn điều lệ: 170.624.500.000 đ (Một trăm bảy mươi tỷ sáu trăm hai mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

Trụ sở chính: Thôn 9, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Số điện thoại: 059.3893737 **Fax:** 059.3893736

Website: www.khoangsangialai.vn

Mã chứng khoán: KSG

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia Lai tiền thân là Xí nghiệp Gạch ngói Gia Lai- trực thuộc Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai, được thành lập và hoạt động vào tháng 9 năm 2006. Tháng 10/2007 Xí nghiệp Gạch ngói gia Lai chuyển thành Công ty TNHH Một thành viên Gạch ngói Gia Lai trực thuộc Sở Xây dựng Gia Lai theo giấy chứng nhận ĐKKD số 3903000213.

Tháng 9/2008 UBND tỉnh Gia Lai cho phép chuyển đổi mô hình hoạt động sang hình thức công ty cổ phần với tên đầy đủ là Công ty Cổ phần Gạch ngói Tuynen Bát Tràng Gia Lai và Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900482154 lần đầu ngày 24 tháng 09 năm 2008 với vốn điều lệ là 15 tỷ đồng.

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Công ty cổ phần Gạch ngói Tuynen Bát Tràng – Gia Lai phát hành tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 19,5 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu đồng thời đăng ký bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh như: Bán buôn vật liệu; thiết bị lắp đặt khác trong ngành xây dựng; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; xây dựng nhà các loại; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Khảo sát thăm dò nguồn đất, đồ vẽ bản đồ; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn kim loại và quặng kim loại: Mua bán sắt thép.

Ngày 27 tháng 03 năm 2014, Công ty phát hành tăng vốn điều lệ từ 19.500.000.000 đồng lên 85.624.500.000 đồng và đổi tên thành Công ty cổ phần khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia Lai.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Đồng thời đăng ký thêm một số ngành nghề kinh doanh như sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao....

Ngày 16/05/2014, Công ty đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

Ngày 03/03/2016, Công ty hoàn thành đợt chào bán riêng lẻ tăng vốn lên 170.624.500.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong ngành xây dựng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Xây dựng nhà các loại
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Khảo sát thăm dò nguồn đất, đo vẽ bản đồ

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

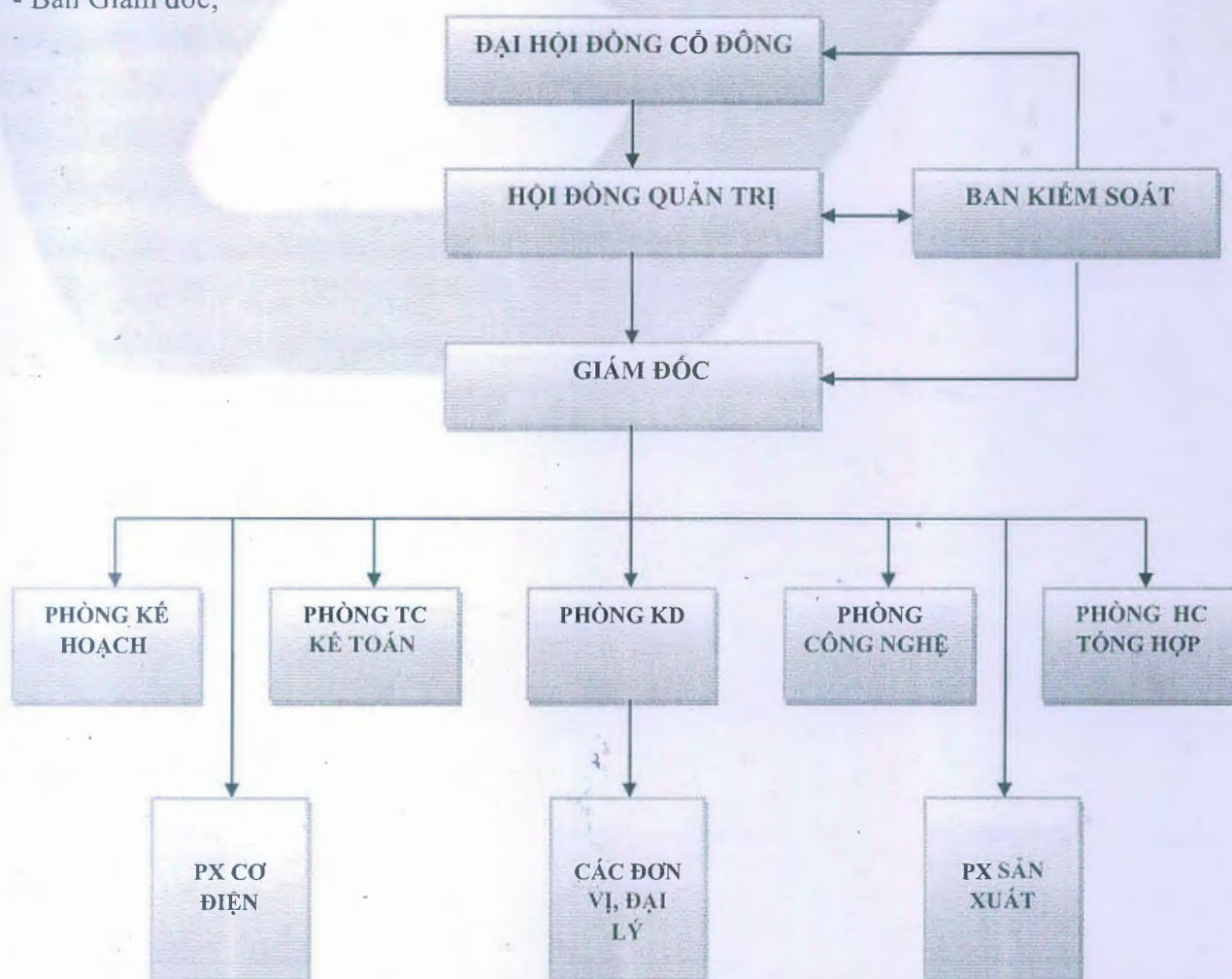
Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Mua bán sắt thép.

- Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc.

4. Mô hình quản lý:

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát.
- Ban Giám đốc;





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Diễn giải sơ đồ

4.1 Đại Hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định.

Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số Thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.1.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

4.1.2 Ban Kiểm soát

BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.



- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

4.1.3 Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

4.2 Chức năng các phòng ban

• Phòng Kế hoạch

Phòng Kế hoạch có các nhiệm vụ: Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt.

• Phòng Tài chính kế toán

Phòng Tài chính kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.

- Phân tích tình hình tài chính, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Giám đốc.

• Phòng Kinh doanh

Phòng Kinh doanh có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Lập phương án, soạn thảo quy chế, quy định việc tiêu thụ sản phẩm.
- Nghiên cứu, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, tổ chức mạng lưới, thông tin quảng cáo tiếp thị và hỗ trợ xúc tiến phát triển sản phẩm.
- Tổ chức, quản lý mạng lưới các đơn vị, đại lý tiêu thụ sản phẩm, báo cáo tình hình tổ chức thông tin quảng cáo tiếp thị, xúc tiến sản phẩm, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, báo cáo tình hình tiêu thụ.

• Phòng Công nghệ

Phòng Công nghệ có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Quản lý công nghệ, kỹ thuật sản xuất gạch ngói, đất sét nung.
- Quản lý công tác an toàn lao động.
- Quản lý chất lượng và công tác nhập nguyên nhiên vật liệu, vật tư đầu vào.
- Tham mưu cho Giám đốc về công tác kế hoạch sản xuất, công nghệ, kỹ thuật và đầu tư xây dựng theo các kế hoạch chiến lược chung.
- Đầu mối giải quyết các công việc có liên quan giữa các bộ phận sản xuất, kỹ thuật.
- Theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, đề ra biện pháp nhằm thực hiện kế hoạch sản xuất.

• Phòng Hành chính tổng hợp

Phòng Hành chính tổng hợp có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Giám đốc Công ty.

• Các phân xưởng trực thuộc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

✓ Phân xưởng cơ điện

Phân xưởng cơ điện có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Gia công, bảo dưỡng, sửa chữa lớn các loại máy móc thiết bị, hệ thống điện, nhà xưởng để tạo điều kiện cho các bộ phận sản xuất hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo kế hoạch.
- Thi công (cơ khí và xây dựng) các công trình bên ngoài theo sự phê duyệt của Giám đốc.

✓ Phân xưởng sản xuất

Phân xưởng sản xuất có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Sản xuất sản phẩm theo kế hoạch được giao.
- Phối hợp với phân xưởng cơ điện thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị.
- Phối hợp với các phòng ban thực hiện công tác quản lý lao động, an toàn lao động, nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, phát huy sáng kiến trong sản xuất để hạ giá thành sản phẩm.

Các đơn vị, đại lý tiêu thụ sản phẩm

Các đơn vị, đại lý tiêu thụ sản phẩm chịu sự quản lý trực tiếp của Phòng Kinh doanh, thực hiện nhiệm vụ đầu mối phân phối sản phẩm và bán hàng trực tiếp cho khách hàng, đồng thời tham gia thực hiện các chiến lược quảng cáo tiếp thị và hỗ trợ xúc tiến phát triển sản phẩm.

5. Định hướng phát triển:

Về sản phẩm và chất lượng, Công ty liên tục thực hiện quá trình cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời Công ty chỉ đạo tập trung sản xuất các sản phẩm có giá trị cao với nhu cầu tiêu thụ lớn và tiêu hao ít nhiên liệu.

Về nghiên cứu phát triển và đầu tư mở rộng sản xuất, Công ty còn đi sâu vào nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, đồng thời cải tiến lò đốt, áp dụng công nghệ lò đốt mới nhằm nâng cao công suất và chất lượng sản phẩm, hạn chế tối đa tỷ lệ sản phẩm hỏng, tiết kiệm nguyên nhiên liệu đầu vào.

Về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, Công ty đang tiếp tục tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban, chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất, thi công để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Về nguồn nhân lực, Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, năng lực, kinh nghiệm và đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề, Công ty luôn chủ động, sáng tạo, hợp lý hóa quy trình sản xuất, khai thác các thị trường có lợi thế để nâng cao sản lượng sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, mở rộng thị phần.

Trên cơ sở năng lực sản xuất và nhu cầu thị trường, Công ty đưa ra nhận định cơ bản khi bước vào các năm sản xuất tiếp theo, mặc dù thị trường tiêu thụ vẫn được duy trì ổn định và phát triển song những khó khăn về giá nguyên vật liệu, vật tư đầu vào tăng cao vẫn chưa có dấu hiệu giảm. Do vậy, để có thể nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, giải pháp hữu hiệu là



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

phát huy được những lợi thế về thị trường, tiếp tục đầu tư nghiên cứu hợp lý hóa sản xuất, tận dụng và sử dụng rộng rãi các nguồn nguyên liệu giảm giá thành sản phẩm.

Đó là những tiền đề vững chắc và củng cố niềm tin vào sự phát triển thành công của Công ty trong những năm tiếp theo.

Để đảm bảo đạt được kế hoạch đề ra, trong thời gian tới Công ty chú trọng vào các công tác sau:

Chủ động lựa chọn nguyên vật liệu có chất lượng tốt để phục vụ sản xuất kinh doanh, sản xuất các loại sản phẩm mỏng để tiết kiệm nguyên liệu, tăng doanh thu, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tăng cường công tác quản lý công nghệ, tăng cường kiểm tra chất lượng sản phẩm để không ngừng nâng cao uy tín trên thị trường.

Làm tốt công tác nghiên cứu thị trường nhằm bám sát thị trường, tập trung vào những thị trường trọng điểm có sức tiêu thụ lớn, đồng thời mở rộng và phát triển thị trường ra các vùng khác có tiềm năng. Tăng cường tiếp thị sản phẩm thông qua các kênh phân phối như hệ thống các cửa hàng, đại lý trong và ngoài tỉnh, tiếp thị trực tiếp đến các công trình.

Thực hiện chính sách sản xuất hợp lý, đảm bảo đáp ứng kịp thời và chính xác nhu cầu của thị trường, giảm thiểu hàng tồn kho.

6. Các rủi ro:

6.1 Rủi ro về nguồn nguyên liệu

Nguyên liệu chính trong các sản phẩm của Công ty là đất sét dùng trong sản xuất gạch, ngói xây dựng là tài nguyên Quốc gia do đó được quản lý rất chặt chẽ, vì vậy nguồn nguyên liệu cung cấp cho Công ty có phần hạn chế. Công ty có thể gặp phải những trở ngại như: các nguồn khai thác bị cạn kiệt, sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp khác trong việc xin phép khai thác các mỏ cát, chính sách điều tiết của nhà nước đối với hoạt động khai khoáng... Tuy nhiên, với chính sách khai thác hợp lý, luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật và luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ngân sách đối với nhà nước, Công ty đã tạo được uy tín và có lợi thế trong việc xin phép khai thác các mỏ đất sét trên địa bàn.

6.2 Rủi ro về cạnh tranh

Tại thị trường địa phương và các vùng phụ cận, có nhiều doanh nghiệp cùng sản xuất và cung cấp sản phẩm cùng loại, đồng thời ngày càng có nhiều nhà đầu tư mới tham gia vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng nên Công ty sẽ đối mặt với nhiều sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường. Với nhiều năm hoạt động kinh doanh phân phối vật liệu xây dựng trên thị trường tỉnh Gia Lai và khu vực các tỉnh lân cận, ngoài việc tạo dựng được các mối quan hệ thân thiết với khách hàng, Công ty có nhiều kinh nghiệm trong việc xây dựng các chính sách bán hàng hợp lý, thích hợp với từng đối tượng khách hàng, nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

6.3 Rủi ro về an toàn lao động

Do hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, Công ty có thể sẽ gặp phải một số rủi ro xảy ra trong quá trình làm việc như tai nạn lao động làm thiệt hại phương tiện và con người. Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm cho phương tiện và người lao động của mình.

6.4 Rủi ro về Pháp luật

Các Công ty trong ngành chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành khoáng sản, vật liệu xây dựng những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế, về tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

6.5 Rủi ro khác

Là một nhân tố trong tổng thể chung của nền kinh tế - xã hội, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro bất khả kháng như rủi ro hỏa hoạn, thiên tai, địch họa... Những rủi ro này có thể xảy ra và gây ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động Công ty trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/Giảm
Doanh thu	29.387.381.540	64.481.782.678	119,42%
Lợi nhuận trước thuế	759.105.438	469.429.759	-38,16%
Lợi nhuận sau thuế	759.105.438	374.436.801	-50,67%

Lợi nhuận năm 2016 của Công ty chúng tôi giảm 50,67% so với cùng kỳ năm 2015. Nguyên nhân là trong năm Công ty tập trung đầu tư xây dựng nhà xưởng, dây chuyền sản xuất gạch mới nên chi phí tăng cao, do vậy mặc dù doanh thu tăng so với cùng kỳ năm trước nhưng lợi nhuận bị giảm so với cùng kỳ năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự

- Ban điều hành:



TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Trần Anh Tuấn	Giám đốc	0

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC	CHỨC VỤ	NỘI DUNG
1	Phạm Quốc Hoàn	Giám đốc	Miễn nhiệm Giám đốc từ ngày 12/04/2016
2	Trần Anh Tuấn	Giám đốc	Bổ nhiệm Giám đốc từ ngày 12/04/2016

- Nhân sự: Tổng số cán bộ nhân viên làm việc tại công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 70 người. Toàn bộ cán bộ nhân viên Công ty đều được hưởng đầy đủ chính sách của Nhà nước theo Luật lao động và thoả ước lao động tập thể của Công ty như: tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

b) Các công ty con, công ty liên kết:

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	148.061.207.918	263.457.078.455	77,94%
Doanh thu thuần	29.387.381.540	64.481.782.678	119,42%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	761.605.438	475.159.316	-37,61%
Lợi nhuận khác	-2.500.000	-5.729.557	
Lợi nhuận trước thuế	759.105.438	469.429.459	-38,16%
Lợi nhuận sau thuế	759.405.438	374.436.801	-50,67%



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,23	1,83	
+ Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ – Hàng tồn kho – TSNH khác Nợ ngắn hạn	0,94	1,53	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,41	0,34	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,68	0,52	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	1,90	2,67	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,20	0,24	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,006	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,009	0,002	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,005	0,001	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	0,026	0,007	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
 Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
 Tổng số chứng khoán lưu ký: 17.062.450 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước:

TT	Loại hình sở hữu cổ phần	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Doanh nghiệp nhà nước	0	0
2	Doanh nghiệp khác	8.500.000	49,82
3	Cổ đông cá nhân	8.562.450	50,18
4	Cổ phiếu quỹ	0	0
Tổng		17.062.450	100



c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không (Đơn vị tính: VND)

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

a. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

b. Tiêu thụ năng lượng.

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

c. Tiêu thụ nước.

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

d. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: 0 đồng

e. Chính sách liên quan đến người lao động.

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 70 người, lương trung bình 4.500.000 đồng/người.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, người lao động được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày.

- Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo trực tiếp lao động ngay tại Công ty kết hợp cử những lao động có tay nghề cao, kinh nghiệm lâu năm, tham dự các khóa đào tạo kiến thức, kỹ năng thực hiện các ngành nghề, dịch vụ mà công ty định hướng phát triển.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

f. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

g. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2016 doanh thu bán hàng của Công ty là 64,48 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 374 triệu đồng giảm 50,67% so với năm 2015. Trong năm, Công ty đã đầu tư xây dựng nhà xưởng, dây chuyền sản xuất gạch mới.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản

Khoản mục	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	74.302.264.285	165.672.051.496	122,97%
Tài sản dài hạn	73.758.943.633	97.785.026.959	32,57%
Tổng cộng tài sản	148.061.207.918	263.457.078.455	77,94%

Năm 2016 tổng tài sản công ty tăng nhiều so với năm 2015, tăng 77,94%. Tổng tài sản đầu năm là 148,06 tỷ trong đó tài sản ngắn hạn là 73,76 tỷ, tài sản dài hạn là 74,3 tỷ. Tổng tài sản cuối năm là 263,46 tỷ trong đó tài sản ngắn hạn là 165,67 tỷ, tài sản dài hạn là 97,79 tỷ. Trong năm công ty đã tập trung đầu tư, xây dựng nhà xưởng, dây chuyền sản xuất gạch mới.

b) Tình hình nợ phải trả

Khoản mục	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	Tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	60.286.624.772	90.438.582.581	50,01%
Nợ dài hạn	0	0	0
Tổng cộng nợ phải trả	60.286.624.772	90.438.582.581	50,01%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2016, Ban Giám đốc công ty đã xác định được những khó khăn và thách thức của nền kinh tế nên đã thực hiện sàng lọc và cắt giảm tối đa chi phí. Đồng thời, Ban giám đốc cũng đã xây dựng các kế hoạch kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.



4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Mục tiêu của Công ty là huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty, thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho Ngân sách nhà nước và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

Triển khai kế hoạch nghiên cứu tái cấu trúc doanh nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển Công ty, áp dụng phương thức quản trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả, cải thiện các quy trình vận hành của Công ty.

Thực hiện quá trình thay đổi để hiện đại hóa hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng và năng lực quản lý, tiến hành các chương trình phát triển và học tập cụ thể, sát với yêu cầu để trang bị cho Cán bộ công nhân viên các kỹ năng, năng lực và kinh nghiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ và những thách thức trong việc phát triển kinh doanh;

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng đến khách hàng. Hình thành và hoàn thiện các chính sách để phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, gắn bó với doanh nghiệp, có trách nhiệm với khách hàng và với cổ đông của Công ty.

Tích cực xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác bình đẳng, hiệu quả với các đối tác cho sự phát triển của Công ty.

Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ với các cổ đông hiện hữu của Công ty. Có định hướng tìm cổ đông chiến lược là doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước có kiến thức, kinh nghiệm về ngành nghề liên quan, có khả năng hỗ trợ về chuyên môn, về tài chính, về quản trị doanh nghiệp... đóng góp hiệu quả vào việc mang lại giá trị tăng thêm đối với hoạt động của Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách và quy trình phục vụ, quy trình chăm sóc đối với khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Xây dựng phong cách phục vụ thân thiện, chuyên nghiệp, phấn đấu để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng và trở thành một công ty có được sự lựa chọn cao từ khách hàng.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, đơn vị kiểm toán có đưa ra ý kiến kiểm toán cần nhấn mạnh sau:

- “Do việc bổ nhiệm kiểm toán viên diễn ra sau thời điểm 31/12/2016 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2016. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục trên trong Báo cáo tài chính của Công ty”.

Giải trình: Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty đều thực hiện kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho và Chúng tôi đã cung cấp cho đơn vị kiểm toán các biên bản kiểm kê này.

- “Nhu đã trình bày tại Thuyết minh V.9, khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng Tân Niên Thành đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Công ty vẫn chưa cung cấp cho đoàn kiểm toán Báo cáo tài chính hay Báo cáo kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Tân Niên Thành nên kiểm toán viên không có căn cứ để xem liệu có phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư hay không”.

Giải trình: Tại thời điểm chúng tôi kiểm toán, công ty đối tác của chúng tôi chưa kịp ra báo cáo tài chính năm 2016 nên tạm thời chúng tôi chưa cung cấp được đầy đủ thông tin báo cáo tài chính của đối tác cho đơn vị kiểm toán. Tuy nhiên, Chúng tôi nhận định đây là đối tác uy tín, có kinh nghiệm trong lĩnh vực khai khoáng, xây dựng và các dự án này có tiềm năng sinh lời cao nên Chúng tôi không thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính này.

- “Theo Quyết định số 3407-03/QĐ-CT ngày 05/09/2016 của Cục thuế tỉnh Gia Lai về việc cưỡng chế hóa đơn bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn sử dụng đối với Công ty Cổ phần Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Gia Lai với thời hạn 1 năm kể từ ngày 12 tháng 09 năm 2016 đến ngày 12 tháng 09 năm 2017. Sự kiện này có ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động của Công ty và việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong năm 2017”.

Giải trình: Chúng tôi đang làm việc với Cục thuế Gia Lai về vấn đề này.

- “Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam theo số 69/2016/BCKT/PKF-VPHN ngày 30 tháng 03 năm 2016 với ý kiến ngoại trừ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Tân Niên Thành do không thể thu thập được thông tin tài chính về Báo cáo tài chính, Ban giám đốc, kiểm toán của đơn vị này, do đó không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không:”.

Giải trình: Đây là đối tác có uy tín, có mối quan hệ lâu dài với Công ty nên Chúng tôi tin tưởng khoản đầu tư này có tiềm năng sinh lời cao.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...)
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm qua đã tích cực hoạt động. Hội đồng quản trị đã thảo luận, thông qua các nghị quyết và ban hành các quyết định về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, kịp thời đưa ra những biện pháp ứng phó với những biến động của thị trường và định hướng hoạt động phù hợp.

Kết quả kinh doanh của công ty tuy không cao nhưng cũng đáng khích lệ. Thể hiện sự chỉ đạo hiệu quả của HĐQT, cố gắng quyết tâm của Ban điều hành và CBCNV toàn công ty đã vượt khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Xác định được khó khăn, thách thức nên ngay từ khi nhận nhiệm vụ, Ban điều hành đã chủ động xây dựng các nội dung công việc nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao cho.

✦ **HĐQT đánh giá Ban điều hành trong năm 2016 đã thực hiện tốt nội dung sau:**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Chủ động đề xuất và triển khai thực hiện các công việc khác nhau về kỹ thuật công nghệ, đã góp phần nâng cao đáng kể chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.
- Rà soát và ban hành mới các quy định để tiết kiệm chi phí sản xuất.
- Bố trí sản xuất hợp lý, phát huy công suất máy móc thiết bị trong điều kiện mất cân đối nghiêm trọng về lao động, cơ cấu sản phẩm trong các dây chuyền.
- Tiếp tục củng cố, duy trì, chú trọng đến công tác xuất khẩu đã tìm thêm nguồn khách hàng.

✦ Tuy nhiên, trong hoạt động của mình, Ban điều hành vẫn còn những hạn chế sau:

- Công tác quản lý điều hành đã có nhiều chuyển biến tích cực hơn nhưng vẫn chưa đạt được sự quyết liệt cần thiết.
- Triển khai một số nghị quyết HĐQT còn chậm như chưa tổ chức hội nghị với các cổ đông lớn; chưa bổ sung được cán bộ kỹ thuật, thị trường; còn xảy ra tình trạng thiếu vật tư, thiếu sản phẩm...
- Công tác lập kế hoạch vẫn chưa sát thực tế còn phải điều chỉnh.
- Công tác quản lý, khai thác và mở rộng thị trường còn hạn chế, thụ động...
- Chưa bổ sung được nguồn nhân lực có chất lượng cao, thiếu nhiều vị trí công tác có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn cao nhất là tại bộ phận kỹ thuật và thị trường.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Sau khi xem xét mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty năm 2016, căn cứ vào tình hình thực tế, HĐQT thống nhất đề xuất chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2017 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2016 (đồng)	Kế hoạch Năm 2017 (đồng)
1	Tổng doanh thu	64.481.782.678	70.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế	374.436.801	3.000.000.000

Hội đồng quản trị xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm mang tính chất quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty trong thời kỳ nền kinh tế mở cửa và có nhiều biến động. Vì vậy, việc phải nâng cao hiệu quả Quản trị doanh nghiệp, đáp ứng kỳ vọng của các cổ đông đồng thời thu hút và tạo động lực cho người lao động phát huy tài năng nhiệt huyết đóng góp cho sự phát triển công ty một cách bền vững là ưu tiên lớn nhất của công ty.

1. Biện pháp tổ chức thực hiện.

Để phát huy các nguồn lực hiện có và khắc phục những tồn tại, bất cập trong thời gian qua, HĐQT Công ty đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện như sau:

- Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT đối với Ban điều hành, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty.
- HĐQT và Ban điều hành tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và những năm tiếp theo.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Ban điều hành kiên quyết khắc phục những hạn chế của mình đã nêu trong phân đánh giá của HĐQT về hoạt động điều hành năm 2016, cụ thể:

- **Công tác sản xuất:** Tập trung quản lý sản xuất, quản lý chi phí, quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật, quản lý chất lượng, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong sản xuất. Trong đó công tác quản lý kỹ thuật, quản lý sản xuất đảm bảo tuân thủ kỷ cương công nghệ nhằm ổn định chất lượng là nhiệm vụ trọng tâm đồng thời tổ chức khai thác sử dụng hiệu quả máy móc thiết bị đã đầu tư. Công ty cần tập trung đầu tư cho khâu này từ con người cho đến công nghệ, máy móc thiết bị...Tìm mọi biện pháp để không ngừng nâng cao năng suất lao động, đầu tư nâng cao năng lực công tác cán bộ, tay nghề cho công nhân.

- **Công tác Lao động Tiền lương:** Tiếp tục rà soát sắp xếp, đào tạo cũng như tuyển dụng, bổ sung thay thế lao động cho các phòng, ban, phân xưởng nhằm đáp ứng yêu cầu công việc. Thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, có chính sách giữ được người có trình độ cao, tay nghề giỏi làm việc tại Công ty. Tăng cường công tác tuyên truyền để người lao động ổn định tư tưởng, thấy rõ được trách nhiệm của mỗi người trong việc góp phần ổn định, đưa Công ty từng bước vượt qua giai đoạn khó khăn làm cơ sở cho việc giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- **Công tác Thị trường:** Lựa chọn, phát triển dòng sản phẩm mũi nhọn của Công ty, thường xuyên hoàn thiện công tác bán hàng, điều chỉnh chính sách tiêu thụ hợp lý đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại trong nước và xuất khẩu.

- **Công tác Tài chính:** Minh bạch rõ ràng đúng quy định của pháp luật; chủ động, linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư.

- **Công tác Kế hoạch:** Cần phải có sự chuyển biến lớn trong công tác kế hoạch từ nhận thức đến hành động, từ cán bộ lãnh đạo đến cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và người lao động. Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch là thước đo mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng bộ phận, đơn vị và của lãnh đạo đơn vị.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị Công ty

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên.
- Đối với thành viên điều hành: Hàng ngày giải quyết các vấn đề phát sinh của Công ty.
- Đối với các thành viên không điều hành, hàng quý HĐQT, ban kiểm soát họp thông qua và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền, lên kế hoạch cho các quý tiếp theo.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết (%)
1	Phạm Thị Hinh	19,01
2	Phạm Quốc Tuệ	0



3	Trần Kiên Cường	0
4	Trần Mạnh Hùng	14,43
5	Lâm Hoàng Giang	0

- Trong năm HĐQT có sự thay đổi như sau:

Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT kể từ ngày 14/03/2016 đối với:

Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Bổ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT kể từ ngày 17/04/2016 đối với:

Ông Phạm Quốc Tuệ

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Chưa có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2016, HĐQT đã quản lý và chỉ đạo điều hành Công ty tuân thủ theo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và tổ chức triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Tổ chức họp định kỳ và bất thường

- Định kỳ hàng tháng HĐQT đã họp để đánh giá các báo cáo của Ban Giám đốc về các hoạt động quản lý và kinh doanh của Công ty để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, đúng đắn cho hoạt động của Công ty.
- Trong một số trường hợp, HĐQT họp bất thường để giải quyết vấn đề, kiến nghị, vướng mắc của Ban GD.
- Các phiên họp HĐQT đều mời Ban Giám đốc, Ban kiểm soát tham gia, các vấn đề quan trọng HĐQT mời trưởng các đơn vị, phòng ban trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời có sự đồng thuận cao và đạt mục tiêu tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả cho Công ty.

Công tác quản lý và chỉ đạo điều hành Công ty

Trong năm 2016, HĐQT đã có những quyết định trong quản lý, chỉ đạo điều hành Công ty về:

- Tiếp tục thống nhất và phân công nhiệm vụ của từng thành viên theo từng lĩnh vực và mảng công việc cụ thể nhằm phát huy tối đa thế mạnh của từng cá nhân và nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý điều hành của HĐQT;
- Hàng tuần HĐQT thường xuyên cử người tham dự đầy đủ các buổi họp giao ban cùng trưởng các bộ phận để nắm bắt kết quả xử lý công việc của từng phòng ban, bộ phận quản lý cũng như trực tiếp có ý kiến chỉ đạo, góp ý để kịp thời giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quản lý điều hành của Ban GD nhằm điều hành hoạt động của Công ty hàng ngày theo đúng định hướng và mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra;



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Hàng quý trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch quý trước, xác định nguyên nhân tồn tại để đưa ra các giải pháp khắc phục và giao kế hoạch sản xuất quý sau ;
- Ban hành các Nghị quyết thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý điều hành, đầu tư, dịch vụ... và các Quyết định về chỉ đạo thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh, quản lý, đầu tư;
- Kết hợp với Ban kiểm soát quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

Quyết định ngày triệu tập, thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, soạn thảo các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên HĐQT không điều hành giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động theo đúng pháp luật, điều lệ công ty, phù hợp với các trụ chương, chính sách của công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty gồm 01 trưởng ban kiểm soát và 02 thành viên, trong đó thành viên độc lập không điều hành là bà Phùng Thị Kim Anh và bà Vũ Thị Chung.

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết (%)
1	Phùng Thị Kim Anh	0
2	Vũ Thị Chung	0
3	Hồ Thị Hồng Diệu	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ về các nội dung sau:

- + Triển khai chương trình công tác năm 2016.
- + Thông qua báo cáo thẩm định tình hình kinh doanh, thẩm định báo cáo tài chính các tháng, BCTC các quý và BCTC cả năm 2016, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2016 để trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 vào ngày 27/04/2017.
- + Ban kiểm soát mới được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên họp bầu trưởng ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ của từng thành viên trong Ban kiểm soát.
- + Thông qua báo cáo thẩm định báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- + Thống nhất kế hoạch triển khai công tác thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính năm 2016 và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2016 của HĐQT để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2016, cụ thể:
 - + Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2016 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
 - + Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
 - + Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đối với HĐQT và Ban Giám đốc.
 - + Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, bán niên, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
 - + Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Ngoài ra, Trưởng BKS tham dự các cuộc họp của HĐQT và tham gia góp ý, chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.
- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Giám đốc cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ/Đơn vị trực thuộc để BKS thực hiện nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập	Ghi chú
1	Ông Trần Anh Tuấn	Giám đốc	106.000.000	
	Tổng		106.000.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		TĂNG /GIẢM
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

1	Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình	Tổ chức có liên quan	0	0	8.500.000	49,81%	
3	Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT	2.189.450	12,83%	3.243.950	19,01%	
4	Nguyễn Đình Trường	Kế toán trưởng	0	0	514.500	3,02%	

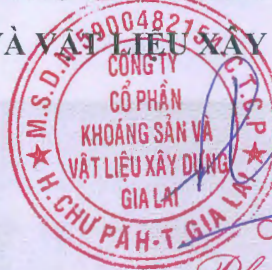
c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

VI. Báo cáo tài chính:

Xin tham khảo tại tài liệu đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI



Phạm Thị Hinh
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0593 893737

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82

Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0593 893737

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2016	10 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0593 893737

Báo cáo của ban Giám đốc

đính kèm Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai:

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai (dưới đây viết tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Gạch ngói Gia Lai, thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5900482154, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 09 năm 2008, thay đổi lần 9 ngày 30 tháng 03 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Theo đó:

Tên công ty: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai.

Vốn Điều lệ: 170.624.500.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tỷ sáu trăm hai mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính tại: Thôn 9, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của công ty:

- Sản xuất gạch, ngói bằng lò Tuynen.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Buôn bán vật liệu xây dựng.
- Vận tải hàng.
- Khảo sát, thăm dò khoáng sản và đo vẽ bản đồ.
- Mua bán vật tư thiết bị ngành khai thác mỏ.
- Buôn bán hóa chất khác trừ các hóa chất sử dụng trong nông nghiệp.
- Bán buôn kim loại.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:

A Hội đồng quản trị:

- | | |
|-----------------------|------------------------------------|
| 1 Bà Phạm Thị Hinh | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Trần Mạnh Hùng | Ủy viên |
| 3 Ông Trần Kiên Cường | Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 28/12/2015) |
| 4 Ông Lâm Hoàng Giang | Ủy viên |
| 5 Ông Phạm Quốc Tuệ | Ủy viên |

Ban kiểm soát:

- | | |
|------------------------|------------|
| 1 Bà Phùng Thị Kim Anh | Trưởng ban |
| 2 Bà Vũ Thị Chung | Thành viên |
| 3 Bà Hồ Thị Hồng Diệu | Thành viên |

Ban Giám đốc:

- | | |
|--------------------------|---|
| 1 Ông Trần Anh Tuấn | Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/04/2016) |
| Ông Phạm Quốc Hoàn | Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/04/2016) |
| 2 Ông Châu Kinh Quốc | Phó Giám đốc |
| 3 Ông Nguyễn Đình Trường | Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 12/10/2016) |
| 4 Ông Võ Sỹ Việt | Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 12/10/2016) |

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

3. Tại Báo cáo này Ban Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, tại Văn phòng Công ty đã bị áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn sử dụng theo Quyết định số 3407-03/QĐ-CT ngày 05/09/2016 của Cục thuế Tỉnh Gia Lai về việc cưỡng chế hóa đơn bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn sử dụng đối với Công ty Cổ phần khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai với thời hạn 1 năm kể từ ngày 12 tháng 09 năm 2016 đến ngày 12 tháng 09 năm 2017. Sự kiện này có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Công ty.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Đại diện

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai



Giám đốc

Trần Anh Tuấn

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com

Số: 178/2017/BCKT/BCTC - CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai được lập ngày 10/03/2017, từ trang 07 đến trang 30 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do việc bổ nhiệm kiểm toán viên diễn ra sau thời điểm 31/12/2016 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2016. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục trên trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh V.9, khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Khai thác và chế biến Tân Niên Thành số tiền: 21.000.000.000 đồng, đến thời điểm phát hành Báo cáo Kiểm toán, Công ty vẫn chưa cung cấp cho đoàn kiểm toán Báo cáo tài chính hay Báo cáo kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Tân Niên Thành nên kiểm toán viên không có căn cứ để xem liệu có phải trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ" báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*** Vấn đề khác**

Theo Quyết định số 3407-03/QĐ-CT ngày 05/09/2016 của Cục thuế Tỉnh Gia Lai về việc cưỡng chế hóa đơn bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn sử dụng đối với Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai với thời hạn 1 năm kể từ ngày 12 tháng 09 năm 2016 đến ngày 12 tháng 09 năm 2017. Sự kiện này có ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động của Công ty và việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong năm 2017.

Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và Báo cáo kiểm toán được phát hành dưới dạng ý kiến ngoại trừ.


Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Lê Văn Dò



Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 0231-2013-016-1

Nguyễn Thị Hải
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 3398-2016-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		165.672.051.496	74.302.264.285
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.578.742.740	1.073.099.909
1. Tiền	111	V.01	1.578.742.740	1.073.099.909
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.957.443.167	55.448.348.992
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	27.737.513.165	32.938.941.359
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	90.476.074.797	6.082.903.826
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	18.743.855.205	16.426.503.807
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	23.158.616.122	15.057.821.623
1. Hàng tồn kho	141		23.158.616.122	15.057.821.623
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.977.249.467	2.722.993.761
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	6.259.343	6.259.343
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.06	3.135.299.403	1.881.043.697
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.06	835.690.721	835.690.721
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		97.785.026.959	73.758.943.633
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		49.244.073.580	41.191.755.100
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	49.244.073.580	41.191.755.100
- Nguyên giá	222		58.241.140.841	49.309.140.841
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.997.067.261)	(8.117.385.741)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		332.346.307	332.346.307
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V08	332.346.307	332.346.307
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		45.700.000.000	31.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.9	21.000.000.000	31.000.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.10	24.700.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.508.607.072	1.234.842.226
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2.508.607.072	1.234.842.226
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		263.457.078.455	148.061.207.918

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		90.438.582.581	60.286.624.772
I. Nợ ngắn hạn	310		90.438.582.581	60.286.624.772
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	69.428.274.621	25.623.845.685
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.452.352.233	2.195.645.583
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.536.904.102	134.424.559
4. Phải trả người lao động	314	V.15	371.997.568	413.710.813
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	222.727.272	222.727.272
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	198.450.307	51.344.382
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	16.227.876.478	31.644.926.478
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		173.018.495.874	87.774.583.146
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	173.018.495.874	87.774.583.146
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		170.624.500.000	85.624.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.624.500.000	85.624.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		2.393.995.874	2.150.083.146
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.019.559.073	1.390.977.708
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		374.436.801	759.105.438
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		263.457.078.455	148.061.207.918

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

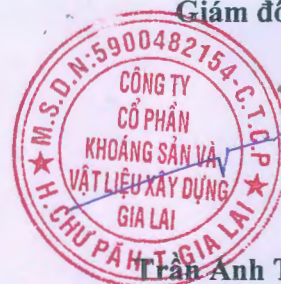
Kế toán trưởng

Giám đốc


Phan Thị Ánh



Nguyễn Đình Trường



Trần Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	64.481.782.678	29.387.381.540
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.03	64.481.782.678	29.387.381.540
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	61.906.687.195	28.664.807.078
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		2.575.095.483	722.574.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	1.642.446.980	1.500.494.346
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	2.397.453.306	382.938.947
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.397.453.306	382.938.947
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	273.050.131	110.800.186
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	1.071.879.710	967.724.237
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		475.159.316	761.605.438
11. Thu nhập khác	31	VI.09	1.805.476	-
12. Chi phí khác	32	VI.10	7.535.033	2.500.000
13. Lợi nhuận khác	40		(5.729.557)	(2.500.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		469.429.759	759.105.438
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	94.992.958	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		374.436.801	759.105.438
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.12	24	89
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu				

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phan Thị Ánh

Nguyễn Đình Trường

Nguyễn Đình Trường



Trần Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

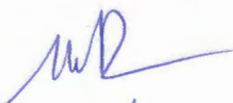
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		76.388.095.790	2.557.629.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(125.353.503.393)	(27.723.561.699)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.153.233.367)	(1.629.387.024)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.397.453.306)	(382.938.947)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(130.236.043)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.076.235.976	2.196.166.640
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.684.626.473)	(1.616.198.989)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(55.254.720.816)	(26.598.291.019)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(23.000.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.700.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.000.000.000	24.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		877.413.647	494.346
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.822.586.353)	1.000.494.346
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		85.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		16.333.950.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(31.751.000.000)	(21.027.138.523)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	46.752.938.519
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		69.582.950.000	25.725.799.996
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		505.642.831	128.003.323
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.073.099.909	945.096.586
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.578.742.740	1.073.099.909

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

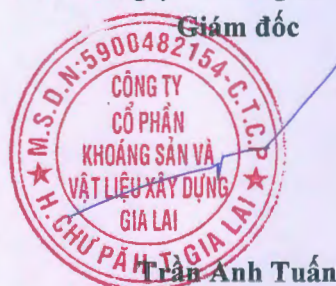
Kế toán trưởng

Giám đốc


Phan Thi Anh



Nguyễn Đình Trường



Trần Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai (dưới đây viết tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Gạch ngói Gia Lai, thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng kí thuế số 5900482154, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 09 năm 2008, thay đổi lần 9 ngày 30 tháng 03 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Theo đó:

Tên công ty: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai

Vốn Điều lệ của Công ty: 170.624.500.000 đồng

(Bằng chữ: (Một trăm bảy mươi tỷ sáu trăm hai mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng))

Trụ sở chính: Thôn 9, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

2. Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất gạch ngói và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất gạch, ngói bằng lò Tuynen.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Buôn bán vật liệu xây dựng.
- Vận tải hàng.
- Khảo sát, thăm dò khoáng sản và đo vẽ bản đồ.
- Mua bán vật tư thiết bị ngành khai thác mỏ.
- Buôn bán hóa chất khác trừ các hóa chất sử dụng trong nông nghiệp.
- Bán buôn kim loại.

4. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. **Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban lãnh đạo Công ty tuyên bố Báo cáo tài chính năm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

1. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài dưới các hình thức:

- Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn);
- Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được xác định giá trị tổn thất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính để trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Tuy nhiên, các công ty con, công ty liên kết của công ty đều không bị lỗ hay đang trong giai đoạn đầu tư nên công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư:

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Phải thu của khách hàng: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Phải thu nội bộ: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

Phải thu khác: phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

Lập dự phòng phải thu khó đòi :

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009).

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm quản lý	3 - 8 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước của công ty gồm công cụ dụng cụ, các chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả...

Phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác:

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả gồm lãi vay, lãi trái phiếu trả sau, chi phí công trình, chi phí phải trả khác. Chi phí của các công trình xây dựng và tư vấn thiết kế đã có trong dự toán thực tế phát sinh nhưng chưa tập hợp đủ hồ sơ, tài liệu do các công trình xây dựng ở xa, nằm rải rác trên nhiều địa bàn được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của các công trình xây dựng là giá trị công trình tạm tính hoặc biên bản tạm xác định khối lượng, cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của hoạt động tư vấn thiết kế căn cứ theo hợp đồng và phần công việc hoàn thành. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như: người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Thu nhập khác: Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán trong kỳ, các khoản hao hụt định mức, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

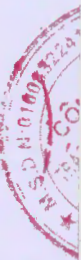
Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính : Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan : Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	Đơn vị tính: đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.572.643.293	530.863.867
Tiền gửi ngân hàng	6.099.447	542.236.042
Tiền gửi ngân hàng VND	6.099.447	542.236.042
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Gia Lai	2.002.240	196.764
Ngân hàng Đầu tư PTVN - CN Quang Trung Hà Nội	1.247.340	2.236.444
Ngân hàng Đầu tư PTVN - CN Nam Gia Lai - 621	1.138.772	35.358.359
Ngân hàng Đầu tư PTVN - CN Nam Gia Lai - 620	684.047	504.444.475
Ngân hàng Đầu tư PTVN - CN Tràng An	1.027.048	-
Cộng	1.578.742.740	1.073.099.909
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình	-	13.535.098.500
Công ty CP Khoáng Sản Luyện Kim Màu	15.621.054.350	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam	-	16.376.917.194
Công ty Tân Thịnh Phát	-	967.971.400
Công ty CP Thương mại Vật liệu Xây dựng Hamico	9.054.606.000	-
Công ty TNHH MTV Trung nguyên Chương	329.063.205	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Phương Đông	132.900	404.668.000
VLXD Anh Đức	349.860.000	-
Châu Kinh Quốc	510.214.436	42.439.456
Võ Sỹ Việt	138.237.470	138.237.470
Đối tượng khác	1.734.344.804	1.473.609.339
Cộng	27.737.513.165	32.938.941.359
3. Trả trước cho người bán:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư XD Ngôi nhà đầu tiên	25.000.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Phú Hòa	55.694.800.000	500.000.000
Công ty CP TM vận tải Minh Hưng	900.000.000	900.000.000
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	1.923.206.457	1.923.206.457
Xí Nghiệp tập thể 559	717.726.176	717.726.176
Công ty CP Chứng khoán VSM	875.000.000	495.000.000
Công ty TNHH MTV Hoàng Quang	600.000.000	-
Công ty CP Đầu tư XD và TM Dịch vụ Hùng Vương	679.999.994	-
Đối tượng khác	4.085.342.170	1.546.971.193
Cộng	90.476.074.797	6.082.903.826

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tạm ứng</i>	16.228.791.707	14.796.346.307
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	2.515.063.498	1.630.157.500
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Tân Niên Thành	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty CP Khai thác và Chế biến khoáng sản Yên Bái	40.000.000	40.000.000
Ông Võ Sỹ Việt	413.333.333	-
Ông Châu Kinh Quốc	5.000.000	-
Bà Hồ Thị Hồng Diệu	341.700.000	-
Bà Lê Thị Thủy Tiên	5.000.000	-
Phạm Thị Hinh (thuế TNCN)	119.872.665	-
Phải thu ngắn hạn khác	90.157.500	90.157.500
Cộng	18.743.855.205	16.426.503.807

5. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.917.805.666	-	5.475.669.639	-
Công cụ, dụng cụ	474.158.988	-	447.091.323	-
Chi phí SX, KD dở dang	3.734.177.835	-	3.844.913.492	-
Thành phẩm	2.711.535.893	-	3.596.177.169	-
Hàng hóa	10.320.937.740	-	1.693.970.000	-
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	23.158.616.122	-	15.057.821.623	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

6. Tài sản khác	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	3.970.990.124	2.716.734.418
Thuế GTGT được khấu trừ	3.135.299.403	1.881.043.697
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	835.690.721	835.690.721
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	-	-
Cộng	3.970.990.124	2.716.734.418

7. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>

8. Chi phí XDCB dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí XDCB dở dang	332.346.307	332.346.307
Cộng	332.346.307	332.346.307

9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến khoáng sản Tân Niên Thành.	2.100.000	21.000.000.000	3.100.000	31.000.000.000
Cộng		21.000.000.000		31.000.000.000

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Công ty vẫn chưa cung cấp cho đoàn kiểm toán Báo cáo tài chính hay Báo cáo kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Tân Niên Thành nên kiểm toán viên không có căn cứ để xem liệu có phải trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư hay không.

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Võ Sỹ Việt (1)	8.000.000.000	-
Ông Châu Kinh Quốc (2)	5.000.000.000	-
Bà Hồ Thị Hồng Diệu (3)	6.700.000.000	-
Bà Lê Thị Thủy Tiên (4)	5.000.000.000	-
Cộng	24.700.000.000	-

(1) Theo Hợp đồng vay vốn số 10/03/2016 ngày 10/03/2016, số tiền cho vay là 8 tỷ từ nguồn vốn của bên cho vay, thời hạn vay từ 10/03/2016 đến hết 09/07/2019, lãi suất 12%/năm (thời gian tính lãi từ 01/04/2016)

(2) Theo Hợp đồng vay vốn số 07/07/2016 ngày 07/07/2016, số tiền cho vay là 5 tỷ từ nguồn vốn của bên cho vay, thời hạn vay từ 07/07/2016 đến hết 06/07/2019, lãi suất 12%/năm (thời gian tính lãi từ 01/08/2016)

(3) Theo Hợp đồng vay vốn số 10/07/2016 ngày 10/07/2016, số tiền cho vay là 6,7 tỷ từ nguồn vốn của bên cho vay, thời hạn vay từ 10/07/2016 đến hết 09/07/2019, lãi suất 12%/năm (thời gian tính lãi từ 01/08/2016)

(4) Theo Hợp đồng vay vốn số 01/08/2016 ngày 01/08/2016, số tiền cho vay là 5 tỷ từ nguồn vốn của bên cho vay, thời hạn vay từ 10/07/2016 đến hết 09/07/2019, lãi suất 12%/năm.

11. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	6.259.343	6.259.343
Dài hạn	2.508.607.072	1.234.842.226
Cộng	2.514.866.415	1.241.101.569

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận Hamico	53.468.681.851	13.461.800.000
Công ty CP Hữu Thịnh	11.932.379.967	7.932.000.000
Công ty TNHH Thái Việt Hoàng	1.296.000.000	1.296.000.000
Ông Nguyễn Đức Trung	468.870.000	588.870.000
Phải trả người bán khác	2.262.342.803	2.345.175.685
Cộng	69.428.274.621	25.623.845.685

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Phương Đông	-	404.535.100
Công ty CP Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum	316.800.000	316.800.000
Công ty CP Đầu Tư & XD Quang Khải	230.846.505	266.269.905
Ông Phạm Đình nguyên	550.000.000	-
Đối tượng khác	1.354.705.728	1.208.040.578
Cộng	2.452.352.233	2.195.645.583

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT phải nộp	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	134.424.559	94.992.958	130.236.043	99.181.474
Thuế thu nhập cá nhân	-	119.872.665	-	119.872.665
Các loại thuế khác	-	1.320.849.963	3.000.000	1.317.849.963
Cộng	134.424.559	1.535.715.586	133.236.043	1.536.904.102

15. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người lao động	371.997.568	413.710.813
Cộng	371.997.568	413.710.813

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi phí kiểm toán	222.727.272	222.727.272	222.727.272	222.727.272
Cộng	222.727.272	222.727.272	222.727.272	222.727.272

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	164.651.373	43.407.933
Bảo hiểm y tế	23.401.573	5.494.468
Bảo hiểm thất nghiệp	10.397.361	2.441.981
Cộng	198.450.307	51.344.382

18. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay tổ chức	720.000.000	720.000.000
Công ty CP Khai thác và Chế biến KS Yên Bái (1)	279.000.000	279.000.000
Công ty TNHH Create Capital Việt Nam	441.000.000	441.000.000
Vay cá nhân	15.507.876.478	30.924.926.478
Bà Phạm Thị Hinh (2)	15.507.876.478	30.924.926.478

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Cộng

16.227.876.478

31.644.926.478

<Xem chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ tại Phụ lục số 02>

(1) Vay Công ty CP Khai thác và Chế biến KS Yên Bái theo hợp đồng số 02/2014/HĐVV ngày 08/10/2014, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%, phụ lục hợp đồng số 01/2015/HDGH ngày 08/10/2015 gia hạn vay thêm 12 tháng.

(2) Vay Bà Phạm Thị Hinh theo hợp đồng vay số 04/2015/HĐVV ngày 26/10/2015, hạn mức tín dụng là 6 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%, hợp đồng vay số 05/2015/HĐVV ngày 20/12/2015, hạn mức tín dụng là 16,45 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%. Hợp đồng vay vốn số 02/01/2016/HĐVV ngày 12/01/2016, hạn mức vay 30 tỷ, giải ngân từng lần kể từ ngày 02/01/2016 đến ngày 02/01/2019, lãi suất 8%/năm, mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh.

19. Vốn góp chủ sở hữu

19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 03>

19.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình	49,82%	85.000.000.000	-
Vốn góp của các đối tượng khác	50,18%	85.624.500.000	85.624.500.000
Cộng	100%	170.624.500.000	85.624.500.000

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	85.624.500.000	85.624.500.000
Vốn góp tăng trong kỳ	85.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	170.624.500.000	85.624.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	17.062.450	8.562.450
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	17.062.450	8.562.450
Cổ phiếu phổ thông	17.062.450	8.562.450
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	17.062.450	8.562.450
Cổ phiếu phổ thông	17.062.450	8.562.450
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

	Năm nay	Năm trước
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán sắt thép	60.584.569.660	27.192.741.540
Doanh thu bán gạch	3.897.213.018	2.194.640.000
Cộng	64.481.782.678	29.387.381.540
02. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán sắt thép	60.584.569.660	27.192.741.540
Doanh thu thuần bán gạch	3.897.213.018	2.194.640.000
Cộng	64.481.782.678	29.387.381.540
04. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán sắt thép	59.254.433.455	27.126.106.540
Giá vốn bán gạch	2.652.253.740	1.538.700.538
Cộng	61.906.687.195	28.664.807.078
05. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.642.446.980	494.346
Cổ tức, lợi nhuận được chia	0	1.500.000.000
Cộng	1.642.446.980	1.500.494.346
06. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.397.453.306	382.938.947
Cộng	2.397.453.306	382.938.947
07. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	273.050.131	110.800.186
Cộng	273.050.131	110.800.186
08. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	841.854.576	759.334.129
Chi phí đồ dùng văn phòng	38.550.084	38.550.084
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	-
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	175.965.850	105.846.977
Chi phí bằng tiền khác	12.509.200	60.993.047
Cộng	1.071.879.710	967.724.237

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

	Năm nay	Năm trước
09. Thu nhập khác		
Thu nhập khác	1.805.476	-
Cộng	1.805.476	-
10. Chi phí khác		
Thuế bị phạt, truy thu	5.535.033	-
Chi phí khác	2.000.000	2.500.000
Cộng	7.535.033	2.500.000
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế:	469.429.759	759.105.438
Các khoản điều chỉnh tăng:	5.535.033	-
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	1.500.000.000
- <i>Cổ tức nhận được từ Công ty liên kết liên doanh</i>	-	1.500.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế:	474.964.792	(740.894.562)
Thuế suất thuế TNDN:	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	94.992.958	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay.	-	-
Thuế TNDN phải nộp	94.992.958	-
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	374.436.801	759.105.438
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	15.598.561	8.562.450
Lãi trên cổ phiếu	24	89
13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.071.401.553	1.323.219.520
Chi phí nhân công	1.966.598.195	1.721.050.972
Chi phí khấu hao TSCĐ	879.681.521	1.235.318.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	893.697.348	626.063.365
Chi phí khác	274.270.852	12.627.588
Cộng	5.085.649.469	4.918.279.851

VIII. Những thông tin khác:

1. Công cụ tài chính:

1.1. Quản lý rủi ro:

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

1.2. Các loại công cụ tài chính:**Tài sản tài chính:**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.578.742.740	1.073.099.909
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	46.481.368.370	49.365.445.166
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	45.700.000.000	31.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-
Công nợ tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16.227.876.478	31.644.926.478
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	69.626.724.928	25.675.190.067
Công nợ tài chính khác	-	-

1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16.227.876.478	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	69.626.724.928	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-
Công nợ khác	222.727.272	-

2. Thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình

(1) Bà Phạm Thị Hinh CT HĐQT C.ty CP Khoáng sản Hòa Bình và C.ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai

Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận Hamico

(2) Bà Phạm Thị Hinh TGD C.ty CP Khoáng sản Bình Thuận Hamico và là CT HĐQT C.ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

2.1 Giao dịch phát sinh

	Quan hệ với C.ty	Năm nay
* Bán hàng		-
* Mua hàng		38.200.787.851
Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận Hamico	(2)	38.200.787.851
* Tạm ứng		
Ông Châu Kinh Quốc - Phó Giám đốc Công ty	Tạm ứng	888.771.400
Ông Châu Kinh Quốc - Phó Giám đốc Công ty	Thanh toán tạm ứng	1.290.657.000
* Đầu tư ngắn hạn khác		
Ông Châu Kinh Quốc - Phó Giám đốc Công ty	Vay Công ty	5.000.000.000
Bà Hồ Thị Hồng Diệu - Thành viên ban kiểm soát	Vay Công ty	6.700.000.000
* Các giao dịch vay		
Bà Phạm Thị Hinh - Chủ tịch HĐQT	Công ty vay	16.133.950.000
Bà Phạm Thị Hinh - Chủ tịch HĐQT	Công ty trả tiền vay	30.051.000.000

2.2 Công nợ với bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
* Các khoản phải thu		14.967.000.000	23.502.098.500
Phải thu khách hàng (TK 131)		-	13.535.098.500
Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình	(1)	-	13.535.098.500
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TK 138)		5.000.000.000	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Ông Châu Kinh Quốc - Phó Giám đốc Công ty	Phó Giám đốc	5.000.000.000	-
Phải thu tạm ứng (TK 141)		9.967.000.000	9.967.000.000
Bà Phạm Thị Hinh - Chủ tịch HĐQT	CT HĐQT	9.967.000.000	9.967.000.000
* Các khoản phải trả		53.468.681.851	13.461.800.000
Phải trả người bán (TK 331)		53.468.681.851	13.461.800.000
Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận Hamico	(2)	53.468.681.851	13.461.800.000
* Vay ngắn hạn			
Bà Phạm Thị Hinh - Chủ tịch HĐQT	CT HĐQT	15.507.876.478	30.924.926.478

2.3 Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập	Ghi chú
Ông Trần Anh Tuấn	Giám đốc	106.000.000	
Ông Châu Kinh Quốc	Phó Giám đốc	187.104.694	
Tổng cộng		293.104.694	

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (phân loại hoạt động trong nước và nước ngoài)

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Công ty là buôn bán vật liệu xây dựng (sắt thép), sản xuất gạch ngói.

Thông tin về kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đồng		
	Doanh thu bán sắt thép	Doanh thu bán gạch	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.584.569.660	3.897.213.018	64.481.782.678
Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
Chi phí bộ phận	59.254.433.455	2.652.253.740	61.906.687.195
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	1.330.136.205	1.244.959.278	2.575.095.483
Các khoản chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.344.929.841)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.230.165.642
Doanh thu hoạt động tài chính			1.642.446.980
Chi phí tài chính			(2.397.453.306)
Thu nhập khác			1.805.476
Chi phí khác			(7.535.033)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(94.992.958)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			374.436.801

3. Thông tin so sánh

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo.

5. Những thông tin khác

5.1 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	62,88	50,18
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	37,12	49,82
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	34,33	40,72
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	65,67	59,28
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	2,91	2,46
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,83	1,23
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,02	0,02
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	0,73	2,58
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0,58	2,58
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,18	0,51
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,14	0,51

5.2 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phan Thị Anh

Nguyễn Đình Trường



Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	19.148.325.231	28.687.545.455	1.473.270.155	-	49.309.140.841
- Mua trong năm	8.932.000.000	-	-	-	8.932.000.000
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	412.090.909	398.451.974	-	-	810.542.883
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	810.542.883	-	810.542.883
Số dư cuối năm	28.492.416.140	29.085.997.429	662.727.272	-	58.241.140.841
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.115.107.852	391.441.557	610.836.332	-	8.117.385.741
- Khấu hao trong năm	586.579.248	210.261.364	82.840.909	-	879.681.521
- Tăng khác	-	790.459.952	-	-	790.459.952
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	393.023.242	-	397.436.711	-	790.459.953
Số dư cuối năm	7.308.663.858	1.392.162.873	296.240.530	-	8.997.067.261
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	12.033.217.379	28.296.103.898	862.433.823	-	41.191.755.100
- Tại ngày cuối năm	21.183.752.282	27.693.834.556	366.486.742	-	49.244.073.580

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0593 893737

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2016

Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm và khả năng trả nợ vay.

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng cộng	16.227.876.478	16.227.876.478	16.333.950.000	31.751.000.000	31.644.926.478	31.203.926.478
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16.227.876.478	16.227.876.478	16.333.950.000	31.751.000.000	31.644.926.478	31.203.926.478
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng, tổ chức</i>	<i>720.000.000</i>	<i>720.000.000</i>	-	-	<i>720.000.000</i>	<i>279.000.000</i>
Công ty CP Khai thác và Chế biến KS Yên Bái	279.000.000	279.000.000	-	-	279.000.000	279.000.000
Công ty TNHH Create Capital Việt Nam	441.000.000	441.000.000	-	-	441.000.000	441.000.000
	-	-				-
<i>Vay ngắn hạn cá nhân</i>	<i>15.507.876.478</i>	<i>15.507.876.478</i>	<i>16.333.950.000</i>	<i>31.751.000.000</i>	<i>30.924.926.478</i>	<i>30.924.926.478</i>
Bà Phạm Thị Hình	15.507.876.478	15.507.876.478	16.133.950.000	31.551.000.000	30.924.926.478	30.924.926.478
Ông Trần Anh Tú	-	-	200.000.000	200.000.000	-	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính



Phụ lục 03: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	85.624.500.000	-	-	1.390.977.708	87.015.477.708
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	759.105.438	759.105.438
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Phân phối trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
2. Số dư cuối năm trước	85.624.500.000	-	-	2.150.083.146	87.774.583.146
3. Số dư đầu năm nay	85.624.500.000	-	-	2.150.083.146	87.774.583.146
- Tăng vốn trong kỳ này	85.000.000.000	-	-	-	85.000.000.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	374.436.801	374.436.801
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
+ Trả cổ tức	-	-	-	-	-
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	130.524.073	130.524.073
4. Số dư cuối năm	170.624.500.000	-	-	2.393.995.874	173.018.495.874

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)